Khổng Phu Tử
một vị
Chí Thánh Tiên Sư

Biên soạn: **Dr Bành Thắng Cường**
Chuyển ngữ: **Thích nữ Phước Thu**ần

"*Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư, trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi*". Khổng Tử

Sơ lược về bình sanh của Đức Khổng Tử

Khổng Tử là người nước Lỗ, ấp Tưu (Tỉnh Sơn Đông- Khúc Phụ) gia phả thuộc dòng dõi quý tộc đời nhà Tống. Thời Tống lúc bấy giờ đất nước loạn lạc ông bà di tản lánh nạn qua nước Lỗ sinh sống, cha ngài tên là Hột, còn gọi là Thúc Lương Hột, người là một võ sĩ. Thúc Lương Hột trước thành hôn với bà Thi Thị. Không có con kế hậu, sau cưới bà Nhan Trưng Tại, lúc có mang bà thường lên trên gò đất gần xóm cầu nguyện, khi hạ sanh đặt tên ngài là Khâu có người đọc Khưu, tự là Trọng Ni, ngài là người con thứ hai trong gia đình, ngài đản sanh vào ngày 28 tháng 9 Âm Lịch, trước công nguyên 551 năm.

Cha ngài mất sớm, lúc ấy hoàn cảnh khó khăn, ngài từng làm công việc quản lý điều hành điền trạch, kho khố, tuy gia cảnh cùng cực nhưng ý chí cầu học rất cao, lúc lên 15 tuổi ngài hết sức cần mẫn học hành, ngài nói: "Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư, trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi" (tạm dịch là ba người cùng đi trong đó có một vị là thầy ta, ta chọn người thiện mà gần gũi nương theo, người không thiện ta nhờ thấy được lỗi lầm đó mà biết ngăn chừa, và tránh sai phạm, nhờ đó trau thân sửa tánh của mình cho được hoàn hảo hơn). Tương truyền rằng ngài thọ lễ giáo với ngài Lão Tử, học âm nhạc với thầy Trưởng Hoằng, học đàn với thầy Nang.

Khổng Tử (Tam Thập Nhi Lập)

Năm 30 tuổi ngài bắt đầu giảng dạy, đào tạo được một số môn sinh ưu tú, ngài còn tham gia hoạt động chính trị hầu ích nước lợi dân. Năm 50 tuổi ngài nhậm chức Trung Đô Tể, một năm sau danh đồn khắp chốn, được sự yêu chuộng của quần chúng, kế đó thăng chức Tư Không, rồi Đại tư Khấu. Thuyền to sóng lớn sau cùng bị người nước Tề ly gián, ngài từ bỏ quan vị cùng khoảng 10 môn đệ đi chu du liệt quốc 14 năm.

Năm 67 tuổi ngài trở về Lỗ Quốc, nhân dân trong nước nhiệt liệt đón tiếp, tôn xưng ngài là vị Quốc Lão. Bấy giờ ngài tích cực góp phần vào việc văn hóa giáo dục, thi, thơ, tu chỉnh lại bộ Xuân Thu do các sử quan triều Lỗ ký lục, trở thành đệ nhứt bộ biên niên sử của Trung Quốc, nền văn hiến lịch sử rạng rỡ của ngài lưu truyền hậu thế cho đến nay vẫn còn giữ nguyên vẹn sắc thái và giá trị văn học. Ngài tạ thế trước Tây lịch 479 năm, hưởng thọ 72 tuổi.

Đạo đức và tư tưởng của Khổng Phu Tử

Đức Khổng Tử rất chú trọng nhân và lễ; hai nhân tố trên là hạch tâm của tư tưởng Khổng học, một hôm một vị môn sinh tên là Phiền Trì tham vấn.

Phiền Trì hỏi: thưa thầy, thế nào là nhân?

Khổng tử đáp: thương người; nghĩa là con người cần phải học để biết thế nào là dụng tâm đi thương người, thương đây bao gồm Trung và Thứ.

Phiền Trì hỏi: sao gọi là Trung?

Khổng Tử đáp: kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt, nhi đạt nhân (Tạm dịch là mình muốn thành lập việc gì thì cố gắng tạo duyên cho người nên sự, mình muốn thành tựu việc, vì tình thương người, không lợi riêng mình mà giúp ích cho người được toại nguyện, đó gọi là Trung, là đạo lý căn bản làm người vậy.

Phiền Trì hỏi: Còn thứ là sao?

Khổng Tử đáp: Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.(tạm dịch là những gì mình không muốn, thì đừng ban cho người khác). Ngài lại tiếp "Nhân giả" là đạo lý làm người, người có lòng từ, biết thương người, trước là phải hiếu thuận ông bà cha mẹ,

anh em trong thân quyến, dần dần nới rộng tình thương ra với người xung quanh và bao la đến xã hội và làm lợi lạc quần sanh.

Lễ: là nguồn gốc của người thời xưa thể hiện sự tôn kính, như nghi thức kỉnh Thiên, tế Tổ…Lễ nghi trong sinh hoạt hằng ngày có tác dụng tạo sự giao lưu liên hệ tình cảm hữu nghị và hài hòa giữa người và ta. Ngài dạy: Nhân vi hiếu, lễ vi Tiên, lễ chi dụng, hòa vi quý, nếu mọi người đều biết giữ gìn chừng mực lễ giáo, không làm những việc siêu xuất phạm vi của lễ nghi, hòa nhịp với tâm nhân từ, lòng khoan dung vị tha mà ứng dụng vào đời sống hằng ngày, mới thực gọi là người có nhân.

Tư tưởng về Trời, Mạng và Quỷ Thần.

Quan niệm về Trời của ngài bao gồm hai ý nghĩa:

1. Trời là vị chủ tể sự sanh tử, phú quý hay bần cùng của loài người, những kẻ tạo ác đa đoan sẽ bị trời khiển.
2. Là bầu trời quang đảng bao la không thể dùng nhãn quan hay sức người mà có thể đo lường được, sự thiên nhiên tứ thời vận hành, vạn vật sinh vinh biến chuyển không ngừng nghĩ mà nhân loại không thể chủ tể được thế giới tự nhiên đó. Trời là dấng tạo hóa siêu hình, không thể nghĩ bàn.

Quan niệm về mạng:

Mạng (hay số mệnh) là một sự an bày tất yếu do đấng chủ tể sắp đặt mà loài người không thể lay chuyển được.

Đó cũng được gọi là thiên mạng. Ngài chủ trương rằng con người phải "Tri thiên mạng" hay tin vào số phận do trời định đoạt. Ngài có nói "Ngũ thập tri thiên mạng" bất tri thiên mạng vô dĩ vi quân tử, người quân tử phải biết và an phận với số mệnh, phải biết được cái lý "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên" có nghĩa là trong cuộc sống chúng ta phải có kế hoạch và phấn đấu, nhưng cũng nên hiểu rằng sự thành hay bại, đắc, thất là do số trời. Không nên quá chấp trước sự đắc thất. Thậm chí ngài tin rằng sự hành đạo của Ngài có được thành tựu hay chăng cũng là do trời định đoạt.

Quan niệm về Quỷ Thần:

Ngài nói; việc lợi người chưa hoàn tất, không đi sâu vào việc quỷ thần "Vị tri sanh, hà tri tử?" ngài không tán đồng việc tế lễ thần linh, cầu quỷ, thần ban phước, phò trì, ngài bác bỏ việc làm tà mị, mê tín, khai sáng chủ nghĩa hiện thực của tư tưởng Nho giáo, làm truyền thống cho đạo lý nhân sinh thời bấy giờ.

Tư tưởng về giáo dục của Đức Khổng Tử

Ngài là người khai lập trường tư thục giảng dạy tư nhân đầu tiên ở Trung quốc, được vinh dự gọi là Khổng Phu Tử hay là chí thánh Tiên sư, sáu môn học được giảng dạy cụ thể là: Lễ, nhạc, xạ, ngự, thơ, số, nhưng ngài chú trọng phần đức dục trên hết, ngài chủ trương Chí ư đạo, Cư ư đức, Y ư nhân, Du ư nghệ, tiêu chuẩn tối thượng của đức dục là Nhân và Thánh, ngài nói tiêu chuẩn mẫu mực như thế ngài vẫn chưa đạt được, nhưng chí hướng khuyến nhắc người học, cũng là dịp nhắc nhở tự thân để cùng nhau trau dồi, tiến bước trên con đường chơn, thiện, mỹ.

Phương cách giáo dục của ngài rất kỷ cương chủ yếu gồm 3 thành phần:

1.Rèn luyện đức hạnh, đức dục là hàng đầu.

2. Việc tu đức được thúc đẩy bởi tánh hiếu học. Hiếu học là lòng thích thú trong sự học tập, có cần mẫn thì sự học tập mới tiến bộ nhanh. Trong lục ngôn lục tế của ngài là: Hảo nhân bất hiếu học, kỳ tế dã ngu, hảo tri bất hiếu học, kỳ tế dã đãng, hảo tín bất hiếu học, kỳ tế dã tặc, hảo trực bất hiếu học, kỳ tế dã giảo, hảo dũng bất hiếu học, kỳ tế dã loạn, hảo cang bất hiếu học, kỳ tế dã cuồng.

3. Học hỏi cần phải suy tư, tiến đến thực hành.

Kết luận

Tìm hiểu qua đạo lý Nho giáo có nhiều điểm phù hợp với giáo lý Phật Đà, điển hình như ngũ thường với ngũ giới đều có cùng một mục tiêu khuyên dạy người lập hạnh tu thân, sửa tánh, trau dồi phẩm cách cho được chơn thiện, gìn giữ giới luật trong sinh hoạt hằng ngày, quốc thới dân an, xã hội yên ổn chính đây là điểm then chốt.

Quan niệm người tạo ác sẽ bị Trời khiển, trên mặt văn tự có sai biệt, nhưng thực chất phù hợp với đạo lý nhân quả, phát xuất cùng chung một trọng điểm là sự tạo tác thiện hay ác, một hậu tự thân phải thọ lãnh quả báo ấy, người chí thân cũng không có thể thay thế cho được.

Đạo lý an thiên mệnh, không tham cầu, không chấp trước sự đắc thất tương ưng với lý thiểu dục tri túc v.v…những lý trên tuy chưa đầy đủ cho lắm, trên căn bản thì gần gũi với đạo Phật nhiều hơn.

Tư tưởng của đức Khổng Tử cống hiến cho nền văn học, giáo dục, sử, triết, nghệ thuật, luân lý, chính trị của Trung Quốc một kho tàng đồ sộ quý báu, gieo ảnh hưởng thâm sâu Nho giáo vào mọi tầng lớp trong nhân gian. Dân tộc Việt, Hoa, người Á Châu nói chung, với căn bản Nho giáo sẵn có, nếu được học hỏi thêm giáo lý của đạo Phật, nghiên cứu kinh luận, khai thông được trí tuệ, giải tỏa được những nội kết, trong tâm không còn chướng ngại, vướng mắc. Đạo Phật mới thật sự là con đường hạnh phúc chơn thường, giải thoát cứu cánh

Tài liệu tham khảo: Trung Quốc Văn Hóa đạo đọc, nhà xuất bản Đại Học Hong Kong 2001

Người biên soạn: Dr Bành Thắng Cường, báo Đồng Lộ Nhân (TL) kỳ 2 tháng 10 năm 2004.